

Số: /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Công ty TNHH Bureau Veritas AQ Việt Nam, Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 24/02/2023, Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm (bổ sung) ngày 03/03/2023 và hồ sơ khắc phục của Công ty TNHH Bureau Veritas AQ Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH Bureau Veritas AQ Việt Nam, địa chỉ: Lô H2-40, H2-41, H2-42 đường Bùi Quang Trinh, KDC Phú An, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ, thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: 55/2023/BYT-KNTP

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Công ty TNHH Bureau Veritas AQ Việt Nam có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Ban Quản lý ATTP TP. HCM, Bắc Ninh, Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đỗ Hữu Tuấn

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày..... tháng.... năm 2023 của
Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Giới hạn định lượng/Phạm vi đo (nếu có)	
				Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng
I	Chỉ tiêu vi sinh vật				
1	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định	Sữa và sản phẩm sữa bổ sung vi chất dinh dưỡng, ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc bổ sung vi chất dinh dưỡng, xúc xích bổ sung vi chất dinh dưỡng	ISO 7932:2004/ Amd 1: 2020 TCVN 4992: 2005		10 CFU/g
2	Định lượng Coliforms		ISO 4832:2006 TCVN 6848: 2007		10 CFU/g 1 CFU/mL
3	Định lượng Coliforms và <i>E. coli</i> Kỹ thuật đếm sử dụng Dry Rehydratable Film (Petrifilm™)		AOAC 991.14		10 CFU/g 1 CFU/mL
4	Định lượng <i>E. coli</i> dương tính β -glucuronidase Kỹ thuật đếm khuẩn lạc tại 44°C sử dụng 5- bromo-4-chloro-3-indolyl β -glucuronidase		ISO 16649-2: 2001 TCVN 7924-2: 2008		10 CFU/g 1 CFU/mL
5	Định lượng Enterobacteriaceae Kỹ thuật đếm sử dụng 3M™ Petrifilm™		AOAC 2003.01		10 CFU/g 1 CFU/mL
6	Định lượng Enterobacteriaceae		ISO 21528-2: 2017		10 CFU/g 1 CFU/mL
7	Định lượng nấm men – nấm mốc. Kỹ thuật đếm sử dụng 3M™ Petrifilm™		AOAC 2014.05		10 CFU/g 1 CFU/mL
8	Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C		ISO 4833-1:2013 TCVN 4884-1: 2015		10 CFU/g 1 CFU/mL
9	Định lượng tổng vi khuẩn hiếu khí tại 35°C - Kỹ thuật đếm sử dụng Dry Rehydratable Film (Petrifilm™)		AOAC 990.12		10 CFU/g 1 CFU/mL

TT	Tên chỉ tiêu	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Giới hạn định lượng/Phạm vi đo (nếu có)	
				Giới hạn phát hiện	Giới hạn định lượng
II	Chỉ tiêu hóa lý				
1	Xác định độ ẩm	Sữa và sản phẩm sữa bổ sung vi chất dinh dưỡng, ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc bổ sung vi chất dinh dưỡng, xúc xích bổ sung vi chất dinh dưỡng	FLAB-FC-MTHD-014:2021 (Ref. AOAC 950.46).	0,1 %	0,3%
2	Xác định hàm lượng protein thô		FLAB-FCMTHD-020 (Ref. AOAC 2001.11)	0,1 %	0,3%
3	Xác định hàm lượng đường tổng		FLAB-FC-MTHD-060: 2021 (Ref. TCVN 4594:1988)	0,13 %	0.4%
4	Xác định hàm lượng tinh bột		FLAB-FC-MTHD-052: 2021 (Ref. TCVN 4594:1988)	0,2 %	0,6%
5	Xác định hàm lượng tro		FLAB-FC-MTHD-024:2021 (Ref. AOAC 938.08)	0,1 %	0,3%
6	Xác định hàm lượng béo		FLAB-FC-MTHD-018:2021 (Ref. AOAC 920.39)	0,1 %	0,3%
7	Xác định dư lượng Chì (Pb), Cadimi (Cd), Asen (As)		AOAC 2013.06	Pb: 0,02 mg/kg Cd: 0,02 mg/kg As: 0,01 mg/kg	Pb: 0,06 mg/kg Cd: 0,06 mg/kg As: 0,03 mg/kg
8	Xác định dư lượng kim loại: Asen (As), Cadimi (Cd), Crom (Cr), Đồng (Cu), Chì (Pb), Mangan (Mn), Thủy ngân (Hg), Niken (Ni), Selen (Se), Bor (B), Nhôm (Al), Kẽm (Zn), Sắt (Fe), Thiếc (Sn)	Nước uống đóng chai	EPA Method 200.8: 1994	Hg: 0,0003 mg/L B, Al, Mn, Cu, Zn, Fe: 0,05 mg/L Cr, Ni: 0,005 mg/L As, Pb, Se: 0,003 mg/L Cd, Sn: 0,001 mg/L	Hg: 0,0009 mg/L B, Al, Mn, Cu, Zn, Fe: 0,15 mg/L Cr, Ni: 0,015 mg/L As, Pb, Se: 0,009 mg/L Cd, Sn: 0,003 mg/L

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Y tế.